

Bản án số: 298/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/8/2025.

Nhân danh
Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

• ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:***

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

• ***Các Hội thẩm nhân dân:***

- Bà Nguyễn Thị Liên – Cán bộ nghỉ hưu.

- Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Cán bộ nghỉ hưu.

• ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:***

Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh ngày 14/12/1984

Trú tại: đội 3, thôn Đồng Lệ, xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, Hà Nội (nay là đội 3, thôn Đồng Lệ, xã Quảng Bị, Thành phố Hà Nội).

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Duy C**, sinh ngày 20/01/1983

Trú tại: đội 3, thôn Đồng Lệ, xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, Hà Nội (nay là đội 3, thôn Đồng Lệ, xã Quảng Bị, Thành phố Hà Nội).

Nguyên đơn: Có mặt, Bị đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 24/11/2006, chị T kết hôn với anh C và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Sau khi kết hôn,

chị T và anh C về chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng do bất đồng quan điểm nên xảy ra mâu thuẫn từ năm 2011. Vợ chồng ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Đến nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, chị T đề nghị Toà án nhân dân khu vực 6 cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy C.

- **Về con chung:** Chị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 28/8/2007 và cháu Nguyễn Duy Đăng D, sinh ngày 16/7/2012. Hiện cháu H và cháu D sức khoẻ bình thường, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần. Hiện tại, hai con chung đang ở với anh C và đều có nguyện vọng xin được ở với bố. Chị T đồng ý theo nguyện vọng của các con, nhường quyền nuôi con cho anh C.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Duy C trình bày theo Bản tự khai như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, Hà Nội vào năm 2006. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn và hiện đang sống ly thân. Nay chị T xin ly hôn, quan điểm của anh C là anh đồng ý ly hôn.

- **Về con chung:** Anh C xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 28/8/2007 và cháu Nguyễn Duy Đăng D, sinh ngày 16/7/2012. Nguyện vọng của anh C là xin nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Không đề nghị giải quyết.

3. Ý kiến của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn, Bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận ý kiến.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Duy C đang cư trú tại thôn Đồng Lệ, xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Nay là thôn Đồng Lệ, xã Quảng Bị, Hà Nội. Toà án nhân dân khu vực 6 thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Duy C đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Duy C đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, Hà Nội vào năm 2006 nên hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh C cho biết vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hiện đang sống ly thân. Chị T xin ly hôn, anh C đồng ý ly

hôn.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, khó hoà thuận, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị T xin ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 28/8/2007 và cháu Nguyễn Duy Đăng D, sinh ngày 16/7/2012. Hiện tại, hai con chung đang ở với anh C, nguyện vọng của hai con đều xin được ở với bố, chị T đồng ý nhường quyền nuôi dưỡng hai con cho anh C. Vì vậy, việc giao hai con chung là cháu H và cháu D cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không đề nghị cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T cho đến khi có sự thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 21, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Duy C.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Duy C có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 28/8/2007 và cháu Nguyễn Duy Đăng D, sinh ngày 16/7/2012.

Giao con chung là cháu Nguyễn Duy H và cháu Nguyễn Duy Đăng D cho anh Nguyễn Duy C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H, cháu D trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Đối trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000161 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Duy C có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND khu vực 6;
- Thị hành án dân sự Hà Nội;
- UBND xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.
Nay là xã Quảng Bị, Hà Nội. (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Thị Luận

Tưởng Ngọc Tuấn